

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 24/5/2018

V/v: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Danh Sử.
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 04 và ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2017/TLST- HNGĐ ngày 8 tháng 11 năm 2017, về việc: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST- HNGĐ ngày 27/04/ 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường T, Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (vắng mặt tại phiên tòa đã triệu tập hợp lệ).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình. Đại diện theo ủy quyền: ông Hà Đăng T - Phó giám đốc Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình. (Vắng mặt – có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình, Phòng giao dịch huyện N. Đại diện theo ủy quyền: ông Mậu Xuân N - Phó giám đốc. (Vắng mặt – có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962. (Vắng mặt – có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Phạm Văn K, sinh năm 1987. (Vắng mặt – có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày và bản tự khai ngày 8/11/2017 cũng như biên bản hòa giải ngày 8 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, chị H trình bày: Vào năm 2001 chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, sau đó phát sinh mâu thuẫn nên chị H và anh H ly hôn năm 2016. Tại bản án ly hôn số 07/2016 /HNGĐ- ST ngày 10/3/2016 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định xử ly hôn giữa chị và anh H.

Về con chung: Tòa án đã giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc .

Về tài sản chung, công nợ chung: Khi giải quyết ly hôn, chị đã rút yêu cầu chia tài sản chung và công nợ chung vì anh H bỏ đi.

Nay chị Hoa yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn của chị và anh H, gồm:

- Diện tích đất 313 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H tại thôn R, xã S, huyện N.

- 01 nhà mái bằng diện tích 70m²; 01 bếp 2 gian lợp ngói đỏ; 01 chuồng lợn lợp ngói đỏ; 01 nhà tắm xây gạch bi; 01 bể nước mưa 10 khối.

Ý kiến anh H đối với yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của chị H như sau:

Tại bản tự khai ngày 21/11/2017 cũng như tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 12 năm 2017 - Về tài sản anh và chị H đã vay để xây dựng được một căn nhà mái bằng 70m² nằm trên mảnh đất của bố mẹ anh để lại cho anh, gồm; 01 bếp 2 gian lợp ngói đỏ; 01 chuồng lợn lợp ngói đỏ; 01 nhà tắm xây gạch bi; 01 bể nước mưa 10 khối. Toàn bộ các tài sản này là tạm thời trừ nhà mái bằng là kiên cố. Bây giờ chị H bỏ đi về công nợ liên quan đến anh và chị H bao gồm cả Nhà nước và tư nhân, cả anh và chị H đều đi vay về để xây dựng, anh không nhất trí ý kiến về chia tài sản của chị H. Anh yêu cầu Tòa án đòi trừ công nợ và tài sản chung của vợ chồng anh, sau khi còn lại bao nhiêu thì chia đôi. Anh H xác định vào hồi 14 giờ ngày 12/12/2017 anh sẽ nộp bản kê khai công nợ cá nhân cho Tòa án, nhưng anh không nộp và từ đó anh không đến Tòa án làm việc dù Tòa án đã triệu tập.

Tại biên bản hòa giải ngày 08 tháng 12 năm 2017 chị H và anh H đều nhất trí có khối tài sản chung như sau: 01 nhà mái bằng diện tích 70m², 01 bếp 2 gian lợp ngói đỏ,

01 chuồng Lợn lợn ngói đỏ, 01 nhà tắm xây gạch bi, 01 bể nước mưa 10 khối.

Chị H xác định vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất ở là 313m^2 đã được cấp Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H tại thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Anh H xác định diện tích đất trên là của riêng anh vì đây là tài sản của bố mẹ anh để lại cho anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H không thống nhất được về việc phân chia toàn bộ tài sản chung sau khi ly hôn.

Chị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Anh H yêu cầu Tòa án đối trừ công nợ chung và tài sản chung, sau đó nếu còn dư lại tài sản thì chia đôi.

Về án phí: Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, sau khi thẩm định tại chỗ vào ngày 08/01/2018 đến ngày 20/3/2018, Tòa án đã tiến hành định giá tài sản đối với tài sản chung là nhà ở và diện tích đất đang tranh chấp. Tại biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản, xác định:

Theo quyết định 26/2017/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 Ban hành theo bảng giá đất điều chỉnh bảng giá các loại đất 2015-2019, tổng trị giá đất ở của chị H và anh H là: $313\text{m}^2 \times 200.000 \text{ đồng/m}^2 = 62.600.000 \text{ đồng}$. Tổng trị giá tài sản nhà và đất được tính theo quy định của Nhà nước vì theo giá thị trường chuyển nhượng tại địa phương thì không xác định được do khu vực nơi có nhà đất của chị H và anh H không có việc chuyển nhượng nào nên không tham khảo giá được là bao nhiêu? Hội đồng định giá xác định theo giá của Nhà nước quy định, chị Hoa nhất trí.

Trị giá đất ở: Đất ở $313\text{m}^2 \times 200.000\text{đ/m}^2 = 62.600.000 \text{ đồng}$.

+ Nhà $(28,5 + 22,95 + 9,7)\text{m}^2 \times 3.392.963\text{đ/ m}^2 = 201.364.687 \text{ đồng}$, giá trị khấu hao 44.300.000 đồng, giá trị còn lại là 157.064.867 đồng.

+ Bếp $(4,7 \times 2,9)\text{m}^2 \times 1.930.000\text{đồng} = 26.305.999 \text{ đồng}$, giá trị khấu 8.418.000 đồng, giá trị còn lại 17.888.000 đồng.

+ Bể nước mưa $(2,1 \times 2,2 \times 2)\text{m}^3 \times 2.976.300 \text{ đồng} = 40.569.723 \text{ đồng}$, giá trị khấu hao 16.239.000 đồng, giá trị còn lại 24.358.000 đồng.

+ Nhà tắm $(2,1 \times 1,7)\text{m}^2 \times 3.292.963\text{đồng} = 11.755.878 \text{ đồng}$, trừ khấu hao 3.762.300 đồng, còn lại: 7.994.000 đồng.

+ Chuồng lợn $19,8\text{m}^2 \times 1.193.484 \text{ đồng} = 23.631.000 \text{ đồng}$ trừ khấu hao 12.603.000 đồng còn lại 11.028.000 đồng.

+ Sân bê tông xi măng đá $5,84\text{m}^2 \times 1.037.551\text{đồng} = 6.059.000 \text{ đồng}$, trừ khấu hao 2.424.000 đồng, còn lại: 3.635.000 đồng.

+ Cổng móng đá tường xây gạch bi trừ hết khấu hao.

Tổng trị giá tài sản là: 284.567.000 đồng.

Về công nợ chung tập thể:

- *Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực R tỉnh Ninh Bình:* Tại bản tự khai 03/01/2018 ông Hà Đăng T trình bày: Ngày 27/6/2012 Anh H và chị H đã vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực R tỉnh Ninh Bình: 50.000.000đ theo thỏa thuận 6 tháng trả 1 lần, hạn trả cuối cùng là 27/6/2015. Gia đình anh H và chị H mới trả được 2 lần tiền lãi:

Lần 1: Ngày 25/12/2012 đã trả	3.996.667 đồng.
Lần 2: Ngày 30/6/2013 đã trả	3.791. 667 đồng.
Đến ngày 6/3/2015 gia đình chị Hoa đã trả tiền gốc:	2.000.000 đồng.
Như vậy còn nợ tiền gốc là:	48.000.000 đồng.
Số nợ lãi tính đến 24/5/2018 là:	40. 643.917 đồng.
Tổng cả gốc và lãi còn nợ là:	88.643.917 đồng.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh khu vực R Ninh Bình yêu cầu chị H, anh H trả cả gốc và lãi theo hợp đồng.

- *Đối với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch huyện N:* Tại bản tự khai ngày 12/01/2018, của ông Mậu Xuân N và giấy xác nhận của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch huyện N trình bày: Ngày 11/5/2015 anh H và chị H đã vay của - Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch huyện N: 20.000.000 đồng tiền gốc, lãi tính đến ngày 24/5/2018 là: 408.196 đồng, tổng gốc và lãi là: 20.408.196 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị H và anh H trả cả gốc và lãi theo hợp đồng.

Nợ cá nhân:

- *Đối với khoản nợ của anh Phạm Văn K:* Trong bản tự khai ngày 6/2/2018 và trong đơn đề nghị ngày 25/4/2018, anh K trình bày: Ngày 7/5/2013 chị H có vay của vợ chồng anh số tiền 10.000.000 đồng, lúc vay vợ chồng chị H và anh H vẫn còn hạnh phúc trong thời gian này anh H đi vắng, anh K đã điện cho anh H và anh H nói chị H ở nhà ký, suốt 3 năm đầu anh H có trả tiền lãi cho gia đình anh K, từ khi vợ chồng chị H va chạm thì không trả tiền gốc và lãi cho anh K, nay anh K yêu cầu chị H và anh H trả tiền gốc, không tính lãi.

- *Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Thị M:* Trong bản tự khai và trong đơn đề nghị ngày 6/02/2018, bà M trình bày vào ngày 25/9/2012; vợ chồng anh H có vay của bà 20.000.000đ tiền gốc lúc vay vợ chồng chị H và anh H vẫn còn hạnh phúc, trong thời gian này anh H đi vắng chị H là người vay để sửa nhà, số tiền lãi thì anh H trả đều đặn. Sau 1 năm thì anh H trả 10.000.000 đồng tiền gốc còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Nay bà M yêu cầu chị H và anh H trả tiền gốc và không tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền khởi kiện gửi đơn khởi kiện và nộp án phí đúng quy định tại các Điều 186, 190, 195 TTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên Tòa.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, Các điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí. Xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.* Giao cho anh Nguyễn Văn H sở hữu và sử dụng diện tích đất ở 313m² tại thôn R, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã được cấp giấy chứng nhận mang tên Nguyễn Văn H, và toàn bộ tài sản trên đất có; 01 nhà mái bằng 61.15m², 01 bếp 02 gian lợp ngói đỏ, 01 bể nước mưa, 01 chuồng lợn, 01 cổng, tổng trị giá 284.567.000đồng.

- Anh Nguyễn Văn H phải:

* Trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh khu vực R Ninh Bình tính đến ngày 24/05/2018, số nợ gốc và lãi là:

+ Số nợ gốc: 48.000.000 đồng.

+ Số nợ lãi: 40.643.917 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi đến ngày 24/5/2018 là: 88.298.194 đồng.

* Trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N tính đến ngày 24/05/2018 là: 20.408.319 đồng, trong đó:

+Nợ gốc là: 20.000.000 đồng.

+ Nợ lãi là: 408.319 đồng.

* Trả cho anh Phạm Văn K: 10.000.000 đồng.

* Trả cho chị Nguyễn Thị M: 10.000.000 đồng.

Sau khi trừ công nợ chung còn lại là: 155.837.487 đồng, anh H phải thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền cho chị Phạm Thị H số tiền 77.757.443 đồng.

2. *Về án phí:* Án phí chia tài sản chung sau ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu là 3.887.872 đồng, anh H phải chịu là 3.887.872 đồng. Anh H và chị H mỗi người phải chịu án phí đối với phần thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với số nợ của anh K và bà M là

500.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho chị H: 2.112.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.387.900 đồng

- Trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho anh K và bà M mỗi người 500.000 đồng.

* Về chi phí định giá và thẩm định tài sản: Chị H nhận chịu và tự chi phí số tiền 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp. Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn. Tài sản tranh chấp trên địa bàn huyện N, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho các đương sự. Chị H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình còn anh H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại điều 70,72 BLTTDS. Anh H xác định vào hồi 14 giờ ngày 12/12/2017 anh sẽ nộp bản kê khai công nợ cá nhân cho Tòa án. nhưng anh không nộp và từ đó anh không đến Tòa án làm việc dù Tòa án đã triệu tập anh. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại gia đình anh H và Ủy ban nhân dân xã S. Đến ngày 11/4/2018, Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 27/4/2018.

3. Về yêu cầu của các đương sự và nhận định của Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu thu thập đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử, xét thấy: Tổng diện tích đất là tài sản chung có: 313 m² đứng tên anh H tuy anh xác định là của bố mẹ cho riêng anh, trên thực tế vợ chồng anh kết hôn từ năm 2001 đến năm 2006 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh và chị H đã làm nhà ở và xây công trình phụ đã nhiều năm, các khoản thuế, quỹ và nghĩa vụ khác đối với Nhà nước và địa phương, chị H và anh H đều thực hiện chung vì vậy đất ở là tài sản chung của chị H và anh H và được chia cùng các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Xét thực tế cuộc sống của chị H và anh H toàn bộ tài sản chung của chị H và anh H sẽ giao cho anh H sở hữu và sử dụng.

Tài sản chung của chị H và anh H gồm có các tài sản trị giá như sau:

- | | |
|--|-------------------|
| - Đất ở là 313m ² x 200.000đ/ m ² , trị giá: | 62.600.000 đồng. |
| - 01 nhà mái bằng diện tích 70m ² , trị giá: | 157.064.067 đồng. |
| - 01 bếp 2 gian lợp ngói đỏ, trị giá: | 17.888. 000 đồng. |
| - 01 bể nước mưa 13,64 mét khối, trị giá: | 24.358.000 đồng. |

- 01 chuồng lợn lợn ngói đỏ,(lán bán mái),trị giá: 7. 994.000 đồng.
- 01 nhà tắm xây gạch bi, trị giá: 11.028.000 đồng.
- 01 sân bê tông,trị giá; 3.635.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là: 284. 567.000 đồng.

- **Về phân chia tài sản chung theo yêu cầu:** Tài sản chung sẽ được chia đôi mỗi bên một nửa sau khi trừ công nợ chung, cụ thể là;

284.567.000 đồng - 129.051.000 đồng = 155. 516.000 đồng .

Chị H được sở hữu và sử dụng: 77.758.000 đồng.

Anh H được sở hữu và sử dụng: 77.758.000 đồng.

Giao cho anh H sở hữu và sử dụng toàn bộ Đất ở và các tài sản trên đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình, mang tên Nguyễn Văn H tại tờ bản đồ số 03, thửa 240 tại thôn R, xã S , huyện N do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 17/11/2006, gồm:

- Đất ở 313 m²; 01 nhà mái bằng diện tích 70m²; 01 bếp 2 gian lợn ngói đỏ; 01 chuồng Lợn lợn ngói đỏ; 01 nhà tắm xây gạch bi; 01 bể nước mưa 10 khối, với tổng trị giá là: 284.567.000 đồng.

Về công nợ: Giao toàn bộ công nợ tập thể và cá nhân cho anh H trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 24/5/2018, gồm các khoản sau:

1.Nợ tập thể:

1.1- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình:

Tiền gốc: 48.000.000 đồng.

Tiền lãi: 40.643.917 đồng.

- Tổng nợ cả gốc và lãi: 88.643. 917 đồng.

1.2.Chi Nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình, Phòng giao dịch huyện N tính đến ngày 24/5/2018 là: :

Tiền gốc: 20.000.000 đồng.

Tiền lãi: 408.196 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là; 20.408.196 đồng.

2.Nợ cá nhân: Tuy anh H không nhất trí hai khoản nợ của bà Nguyễn Thị M: 10.000.000 đồng và anh Phạm Văn K: 10.000.000 đồng. Nhưng từ thực tế tất cả các khoản nợ vay của tập thể và cá nhân trong khoản thời gian từ tháng 5 /2012 đến tháng 5/2015 lúc này chị H và anh H hai người vẫn còn chung sống bình thường là khoản nợ chung của anh H và chị H, tuy anh H không ký vào giấy vay nợ , nhưng số nợ vay cá nhân của bà M và anh K đều được chị H sử dụng vào việc tu sửa lại nhà ở, vì vậy Hội đồng xét xử xác định và chấp nhận khoản nợ trên thuộc về nghĩa vụ chung của cả chị H

và anh H. Để thuận tiện cho việc thanh toán nợ, về số nợ của tập thể và cá nhân cũng giao cho anh H chịu trách nhiệm cả gốc và số lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 24/5/2018 và số lãi phát sinh kể từ ngày 25/4/2018 cho đến khi trả xong số tiền gốc cho các Ngân Hàng.

Về thanh toán chênh lệch tài sản: Sau khi đối trừ công nợ tập thể và cá nhân thì anh H phải thanh toán cho chị H số tiền là: 77.758.000 đồng.

Trong vụ án này về số nợ cá nhân vay của anh Lê Văn M và của chị Nguyễn Thị Thanh T đều trú tại Thôn Đ, xã P huyện N, vợ chồng chị Đinh Thị T và ở thôn R, xã S, nợ chị Đinh Thị T ở thôn 2 xã P, huyện N. Nhưng những người này đều không đến Tòa làm việc mặc dù đã được triệu tập, vì vậy Hội đồng xét xử cũng không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, sau này nếu có đơn yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản đã chi phí là: 1500.000 đồng, chị H nhận chi phí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.387.900 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 6.500.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000644 ngày 8/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, hoàn lại cho chị H 2.112.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.387.900 đồng.

Hoàn lại cho anh K số tiền tạm ứng án phí 500. 000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000389 ngày 6/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000390 ngày 6/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của nguyên đơn Phạm Thị H.

1.1 Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H sở hữu và sử dụng toàn bộ đất ở và tài sản trên đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn H tại tờ bản đồ số 03, thửa 240 tại thôn R, xã S, huyện N do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 17/11/2006, (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng

nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình) gồm:

- Đất ở là 313 m² x 200.000đ/ m², trị giá: 62.600.000 đồng.
- 01 nhà mái bằng diện tích 61,15m², trị giá: 157.064.067 đồng
- 01 bếp 2 gian lợp ngói đỏ, trị giá: 17.888.000 đồng.
- 01 bể nước mưa 13,64m³, trị giá: 24.358.000 đồng.
- 01 chuồng lợn lợp ngói đỏ (lấn bán mái), trị giá: 7.994.000 đồng.
- 01 nhà tắm xây gạch bi, trị giá: 11.028.000 đồng.
- 01 sân bê tông, trị giá: 3.635.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản của chị H và anh H giao cho anh H sở hữu và sử dụng là: 284.567.000 đồng.

1.2. Về công nợ chung:

- Giao cho anh Nguyễn Văn H trả nợ cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình - Phòng giao dịch huyện N: 20.000.000 đồng tiền gốc và 408.196 đồng tiền lãi tính đến ngày 24/5/2018 và số lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/5/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

- Giao cho anh Nguyễn Văn H trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực R - Ninh Bình: 48.000.000 đồng tiền gốc và 40.643.917 đồng tiền lãi tính đến ngày 24/5/2018 và số lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

- Giao cho anh Nguyễn Văn H chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị M số tiền: 10.000.000 đồng, không tính lãi.

- Giao cho anh Nguyễn Văn H chịu trách nhiệm trả nợ cho anh Phạm Văn K số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi.

Anh H phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị H số tiền là: 77.758.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.387.900 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 6.500.000 đồng theo biên lai số AA/2013/0000 644 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho chị H 2.112.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.387.900 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000390 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Trả lại cho anh Phạm Văn K số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000389 ngày 06/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H, bà M, anh K, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh khu vực R- Ninh Bình, Chi Nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Bình, Phòng giao dịch huyện N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã S
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hà Minh Lực

